TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DSST
Ngày: 18-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Ngọc.

2. Ông Trần Văn Hén.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hứa Quốc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Trụ sở: Tòa nhà L, số 210, đường Q, phường T, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh D, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Kiên Giang.

(Quyết định v/v ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng đối với giám đốc chi nhánh số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017)

Ông Huỳnh Thanh D ủy quyền cho: Ông Lâm Vĩnh T, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch H, địa chỉ: Số 03, đường C, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (Quyết định ủy quyền số 226/2023/QĐ-LienVietPostBank.KG ngày 27/02/2023)

2. Bị đơn: Anh Trương Thái H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu phố X, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

(Ông T có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 02 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD1209051704870 ngày 09/5/2017 ký giữa anh Trương Thái H và Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Kiên Giang, số tiền vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), phương thức cho vay từng lần, mục đích sử dụng vốn vay tiêu dùng, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất ban đầu 12,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 20 hàng tháng, chia thành 60 kỳ trả nợ, mỗi kỳ trả 5.000.000 đồng, kỳ đầu tiên trả vào ngày 20/6/2017, lãi trả hàng tháng cùng kỳ trả nợ gốc. Số tiền gốc phải trả tính đến ngày 22/02/2023 là 60.000.000 đồng, số tiền lãi và lãi phạt phải trả tính đến ngày 22/02/2023 là 18.793.844 đồng, tổng cộng là 78.793.844 đồng. Ông H đã vi phạm Điều 4 của Hợp đồng và nay nợ đã quá hạn mà ông H cũng không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu anh Trương Thái H phải trả toàn bộ khoản vay gốc, lãi và lãi phạt, các chi phí phát sinh cho Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD1209051704870 ngày 09/5/2017 số tiền gốc tính đến ngày 22/02/2023 là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng); số tiền lãi và lãi phạt tính đến ngày 22/02/2023 là 18.793.844 đồng (Mười tám triệu

bảy trăm chín mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi bốn đồng). Đồng thời, anh H phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ sau ngày 22/02/2023 cho đến khi trả hết nợ vay.

Bị đơn anh Trương Thái H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Giấy chứng minh nhân dân tên Trương Thái H (phô tô); Giấy chứng minh quân đội tên Trương Thái H (phô tô); Quyết định về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ đối với QNCN số 322 ngày 22/9/2015 (phô tô); Đơn xin xác nhận ngày 08/5/2017 của Trương Thái H (phô tô); Giấy xác nhận ngày 08/5/2017 (phô tô); Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ của khách hàng vay Trương Thái H (phô tô đóng dấu treo của Ngân hàng); Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD1209051704870 ngày 09/5/2017 (phô tô đóng dấu giáp lai của Ngân hàng); Bảng kê chi tiết nợ quá hạn đến ngày 22/02/2023 (bản chính).

Tại phiên tòa:

- Người đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trương Thái H phải có trách nhiệm thanh toán nợ tổng cộng 84.593.853 đồng, trong đó: Nợ gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng); số tiền lãi và lãi phạt chậm trả tính đến ngày 18/8/2023 là 24.593.853 đồng. Đồng thời buộc anh H phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất như thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

- Bị đơn anh Trương Thái H vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp, giao gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia

tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn cả gốc và lãi là 84.593.853 và lãi phát sinh theo mức lãi suất như thỏa thuận trong hợp đồng từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán dứt nợ. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn anh Trương Thái H là quân nhân, tại thời điểm ngày 08/5/2017 đang công tác tại Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế X tại ấp X, xã M, thị xã H (nay là khu phố X, phường M, thành phố H), tỉnh Kiên Giang theo Giấy xác nhận của Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế X (bút lục 11), tại thời điểm xác lập hợp đồng tín dụng thể hiện nơi cư trú và nơi công tác của anh Trương Thái H tại ấp X, xã M, thị xã H, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay còn thiếu theo hợp đồng tín dụng. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trương Thái H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan (thông qua thực hiện thủ tục xác minh cư trú, niêm yết theo quy định). Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày

của đương sự, Hội đồng xét xử xác định giữa Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Kiên Giang với anh Trương Thái H có xác lập hợp đồng tín dụng số HD1209051704870 ngày 09/5/2017, số tiền số tiền vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), phương thức cho vay từng lần, mục đích sử dụng vốn vay tiêu dùng, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất ban đầu 12,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 20 hàng tháng, chia thành 60 kỳ trả nợ, mỗi kỳ trả 5.000.000 đồng, kỳ đầu tiên trả vào ngày 20/6/2017, lãi trả hàng tháng cùng kỳ trả nợ gốc. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, phù hợp quy định tại Điều 463 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Giao dịch dân sự được xác lập giữa các bên có hiệu lực theo quy định tại Điều 116 và Điều 117 của Bộ luật Dân sự.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: "1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;…". Khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng quy định về chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất như sau: "1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng ...". Do anh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận trong hợp đồng, nên Ngân hàng TMCP B yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ thanh toán nợ là phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (18/8/2023), anh H còn nợ Ngân hàng nợ gốc là 60.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 4.151.609 đồng; nợ lãi quá hạn 19.346.461 đồng; lãi phạt chậm trả 1.095.783 đồng, tổng cộng là 84.593.853 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh H phải có nghĩa vụ trả số nợ trên cho Ngân hàng TMCP B. Đồng thời buộc anh H phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất như thỏa thuận trong hợp đồng từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[5] Về án phí: Anh Trương Thái H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn: 84.594.000 đồng x 5% = 4.229.700 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B. Buộc anh Trương Thái H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B tổng cộng là 84.593.853 đồng (Tám mươi bốn triệu năm trăm chín mươi ba nghìn tám trăm năm mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 4.151.609 đồng, nợ lãi quá hạn 19.346.461 đồng; lãi phạt chậm trả 1.095.783 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/8/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Trương Thái H phải chịu án phí số tiền 4.229.700 đồng (Bốn triệu hai trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.970.000 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001547 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDS Tp. H;
- Những người TGTT,
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Chí Dũng